



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 23 năm học 2025 - 2026

(Từ ngày 23/02/2026 đến 27/02/2026)

TT	Thứ 2 (23/02)	Thứ 3 (24/02)	Thứ 4 (25/02)	Thứ 5 (26/02)	Thứ 6 (27/02)
1	Thịt lợn rang mắm	Thịt gà kho sả	Chả cốm chấm sốt tương cà	Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt	Cá rô file chiên xù
2	Đậu rán tẩm hành	Trứng đảo bông	Thịt lợn xào thập cẩm	Ruốc thịt gà	Đậu sốt cà chua
3	Dưa hấu	Su su, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt xào	Bắp cải xào	Cải thảo xào cà rốt
4	Canh bắp cải nấu thịt	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh bí đỏ nấu thịt bằm	Canh cải cúc nấu thịt	Canh củ quả nấu thịt
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
6	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Bánh gato Hoa Sữa	Sữa chua Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa chua Vinamilk



P. HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CMHS

Anh
Vũ Lan Anh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ẨM HOA SỮA

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Suất ăn 35.000đ trên một suất và quà chiều

Thực đơn tuần 23 (từ ngày 23/02/2026 đến 27/02/2026)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (23/02)	Thịt lợn rang mắm	Thịt lợn	gram	80	140,000	11,200	50-55	130.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu rán tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	150.0	Nhân công	4,500	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	25.0	Lãi dự kiến	600	
	Canh bắp cải nấu thịt	Cải bắp	gram	30	25,000	750	220-240	20.0	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Khấu hao	300	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinam	hộp	1	5,000	5,000		45.0	Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,500			VAT	2,600	
	Cộng thứ 2					24,880		740.0		9,800	34,680
Thứ 3 (24/02)	Thịt gà kho sả	Gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	160.0	Chất đốt	1,200	
	Trứng đào bông	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	95.0	Nhân công	4,500	
	Su su, cà rốt xào	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	35.0	Lãi dự kiến	600	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	28	25,000	700	220-240	25.0	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Khấu hao	300	
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	bánh	1	4,500	4,500		116.0	Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000			VAT	2,600	
	Cộng thứ 3					23,730		801.0		9,800	33,530
Thứ 4 (25/02)	Chả cốm chấm sốt tương cà	Chả cốm	gram	65	120,000	7,800	50-52	200.0	Chất đốt	1,200	
		Tương cà	gram	10	50,000	500	8-10		Nhân công	4,500	
	Thịt lợn xào thập cẩm	Thịt lợn	gram	15	140,000	2,100	40-45	55.0	Lãi dự kiến	600	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Phí quản lý	300	
		Cà rốt	gram	7	25,000	175			NRB+ N.lau sàn	150	
		Ngô ngọt hạt	gram	13	80,000	1,040			Khấu hao	300	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	45-50	25.0	Nước sạch	150	
	Canh bí đỏ nấu thịt băm	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	25.0	VAT	2,600	
		Bí đỏ	gram	28	25,000	700					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0			
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
	Cộng thứ 4					25,070		739.0		9,800	34,870



Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (26/02)	Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt	Thịt bò	gram	50	240,000	12,000	60-65	130.0	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200			Nhân công	4,500	
	Ruốc thịt gà	Thịt gà file	gram	35	95,000	3,325	15-20	70.0	Lãi dự kiến	600	
	Bắp cải xào	Bắp cải	gram	90	25,000	2,250	50-55	25.0	Phí quản lý	300	
	Canh cải cúc nấu thịt	Cải cúc	gram	28	25,000	3,500	220-240	25.0	NRB+ N.lau sản	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		45.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
	Cộng thứ 5					30,955		665.0		9,800	40,755
Thứ 6 (27/02)	Cá rô file chiên xù	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	150.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	170.0	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Lãi dự kiến	600	
	Cải thảo xào cà rốt	Cải thảo, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	20.0	Phí quản lý	300	
	Canh củ quả nấu thịt	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	25.0	NRB+ N.lau sản	150	
		Khoai tây, cà rốt	gram	30	30,000	900			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 6					23,705		799.0		9,800	33,505

